

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

Cửa thôn 6, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Đông Sơn về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn 6, xã Đông Minh).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
1	Phát triển kinh tế	1.1. Thôn, bản có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của địa phương (hoạt động ổn định trong 01 năm trước khi xét).	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 95%	407/418, chiếm 97,37% (đạt)	407/418, chiếm 97,37% (đạt)	407/418, chiếm 97,37% (đạt)
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) bằng 1,5 lần đối với mức quy định xã nông thôn mới trong năm xét công nhận.	Đạt	69,02 triệu đồng (đạt)	69,02 triệu đồng (đạt)	69,02 triệu đồng (đạt)
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).	0%	0%	0% (đạt)	0% (đạt)
4	Nhà ở và khuôn viên nông hộ	4.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	100%	231/231 hộ, đạt 100%	231/231 hộ, đạt 100%	231/231 hộ, đạt 100%
		4.2. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh, đảm bảo mỹ	Đạt	231/231 hộ, đạt 100%	231/231 hộ, đạt 100%	231/231 hộ, đạt 100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		quan.				
		<p>4.3. Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận. - Có cảnh quan đẹp, hài hòa; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 25 triệu đồng/500m². 	Đạt	1/1 vườn, đạt 100%	1/1 vườn, đạt 100%	1/1 vườn, đạt 100%
		4.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (nếu có): Đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%
		4.5. Tỷ lệ hộ gia đình có tường rào (nếu có) bằng cây xanh hoặc tường rào kết hợp hài hòa với trồng cây xanh, cây hoa.	≥ 65%	156/231 hộ, đạt 67,5 %	156/231 hộ, đạt 67,5 %	156/231 hộ, đạt 67,5 %
5	Giao thông	5.1. Đường trục chính thôn:				
		- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100%	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	$\geq 60\%$	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%
		- Có biển báo giao thông đầu các trục đường thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn,...).	Đạt	2/2 tuyến, đạt 100%	2/2 tuyến, đạt 100%	2/2 tuyến, đạt 100%
		- Tỷ lệ km đường được trồng hoa hoặc trồng cây xanh; có hệ thống điện chiếu sáng.	$\geq 80\%$	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%	1,292/1,292km, đạt 100%
		5.2. Đường ngõ, xóm:				
		- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	100%	1,091/1,091km, đạt 100%	1,091/1,091km, đạt 100%	1,091/1,091km, đạt 100%
		- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước.	100%	1,091/1,091km, đạt 100%	1,091/1,091km, đạt 100%	1,091/1,091km, đạt 100%
		5.3. Đường trục chính nội đồng hoặc khu sản xuất (nếu có): Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100% ($\geq 80\%$ cứng hóa)	1,75/1,75 km, đạt 100% (1,75/1,75km cứng hóa, đạt 100%)	1,75/1,75 km, đạt 100% (1,75/1,75km cứng hóa, đạt 100%)	1,75/1,75 km, đạt 100% (1,75/1,75km cứng hóa, đạt 100%)
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và học nghề.	$\geq 98\%$	26/26 cháu, đạt 100%	26/26 cháu, đạt 100%	26/26 cháu, đạt 100%
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 75\%$	326/407 lđ, đạt 80,1%	326/407 lđ, đạt 80,1%	326/407 lđ, đạt 80,1%
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 95\%$	610/631 khẩu, đạt 96,67%	610/631 khẩu, đạt 96,67%	610/631 khẩu, đạt 96,67%
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đạt	Quy định từ 01/3/2020, không còn y tế thôn,	Quy định từ 01/3/2020, không còn y tế thôn, cán bộ y tế xã phụ trách	Quy định từ 01/3/2020, không còn y tế thôn, cán bộ y tế xã phụ trách
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 10\%$	8/90 cháu, chiếm 8,9%	8/90 cháu, chiếm 8,9%	8/90 cháu, chiếm 8,9%
		7.4. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		7.5. Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Tường rào của nhà văn hoá, khu thể thao thôn, bản bằng cây xanh hoặc tường rào khác được phủ cây xanh.	100%	100%	100%	100%
		8.3. Trong khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản trồng cây xanh hoặc trồng hoa hài hòa, hợp lý.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Có tủ sách (trên 50 đầu sách các loại) tại nhà văn hóa thôn, bản.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5.Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn, bản văn hóa” 5 năm liên tục theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ”.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.6. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	≥80%	210/231 hộ, đạt 91%	210/231 hộ, đạt 91%	210/231 hộ, đạt 91%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		8.7. Có hương ước, quy ước được UBND cấp huyện quyết định công nhận và 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.8. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình KM”	≥75%	206/231 hộ, đạt 89,17%	206/231 hộ, đạt 89,17%	206/231 hộ, đạt 89,17%
9	Môi trường và an toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%
		9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) thực hiện xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững, xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây bức xúc đối với khu dân cư liền kề.	100%	17/17 hộ, đạt 100%	17/17 hộ, đạt 100%	17/17 hộ, đạt 100%
		9.3. Đường thôn, bản, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; việc mai táng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.				
		9.5. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	100%	100%	100%	100%
		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%	9/9 hộ, đạt 100%
		9.9. Có mô hình bảo vệ môi trường (tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		cơ bản đáp ứng yêu cầu SX, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, hướng tới áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.				
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%	231/231hộ, đạt 100%
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt	5 cụm loa, đạt	5 cụm loa, đạt	5 cụm loa, đạt
13	Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Chi bộ được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
14	Quốc phòng	14.1. Thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký,	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
	và An ninh	quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm.				
		14.2. Tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch của cấp trên; thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân; hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và nhiệm vụ đột xuất khác.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái phép; khiêu khích đông người trái pháp luật.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước, không phát sinh thêm người mắc các tệ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm tra của xã	Kết quả thẩm định
		nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.				
		14.5. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt